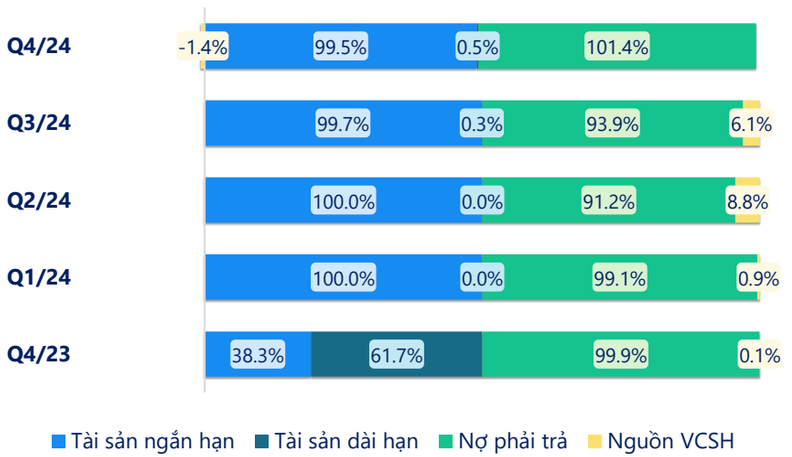
FireAnt

CTCP An Trường An (UPCOM: ATG)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	2,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
SL cổ phiếu LH	15,220,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,765
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	32
P/E	3260.7
EPS	1

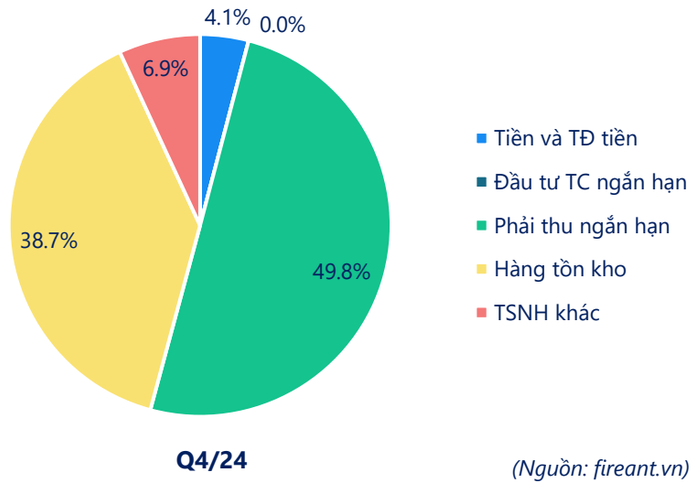
	YTD	1T	3T	6T
ATG	10.5%	-12.5%	-55.3%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



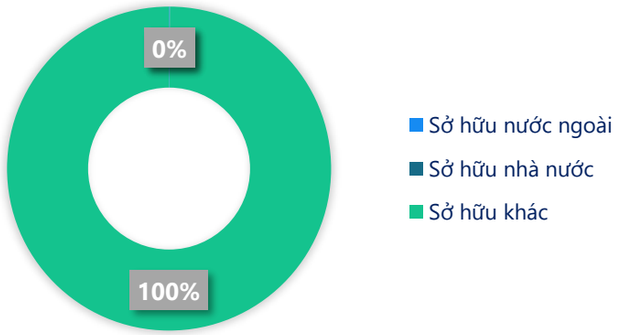
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



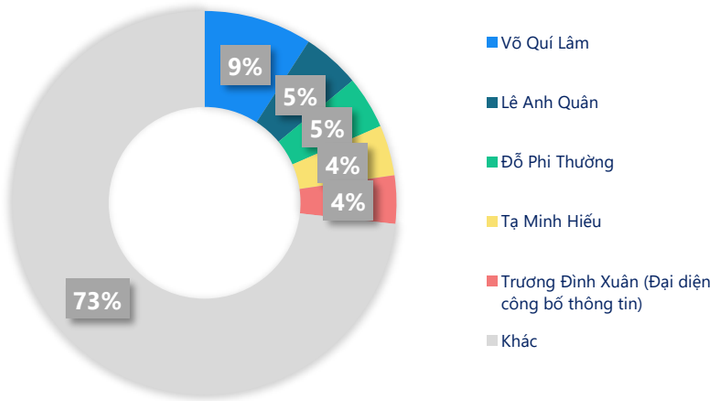
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



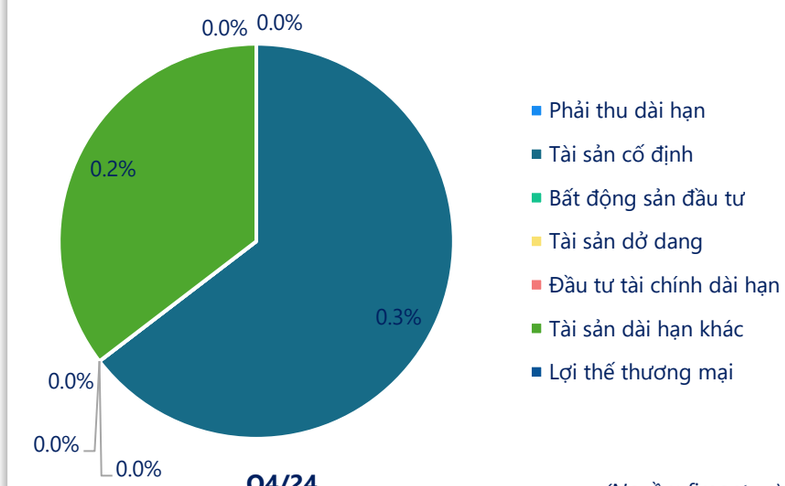
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

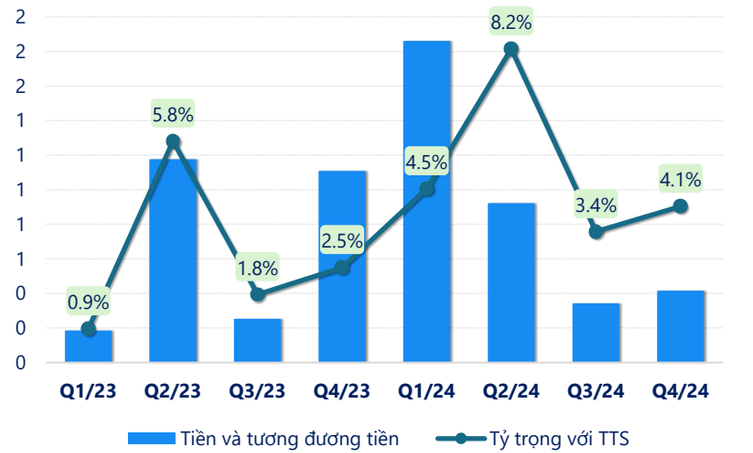


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

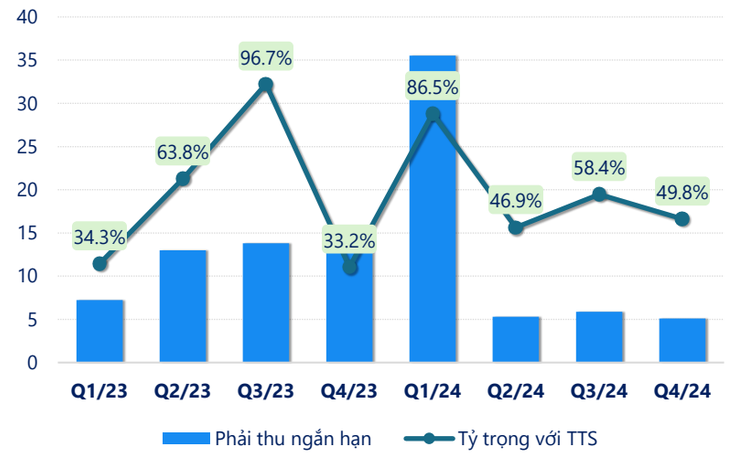
CTCP An Trường An (UPCOM: ATG)

Tiền và tương đương tiền



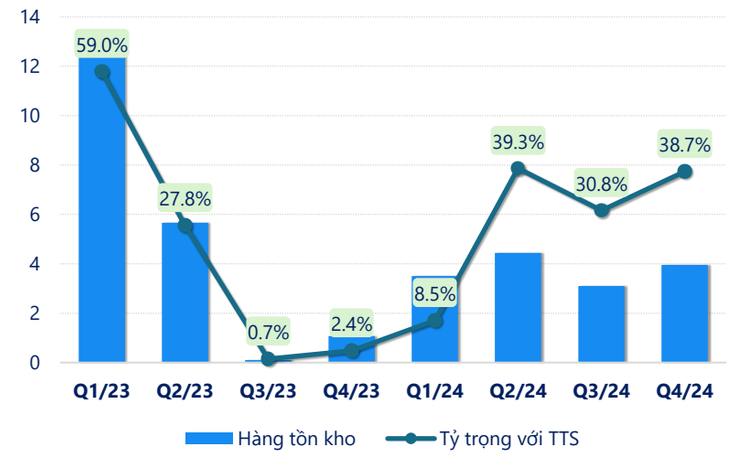
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



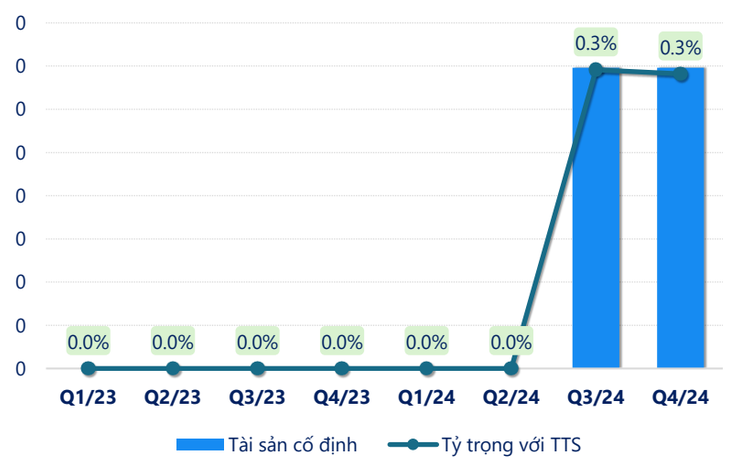
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



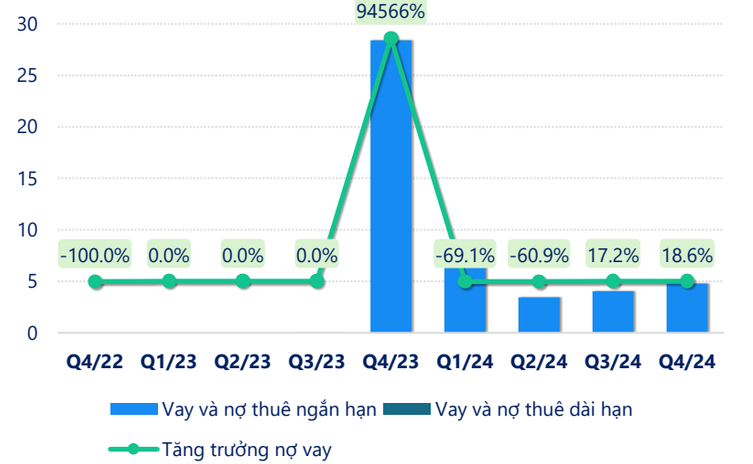
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



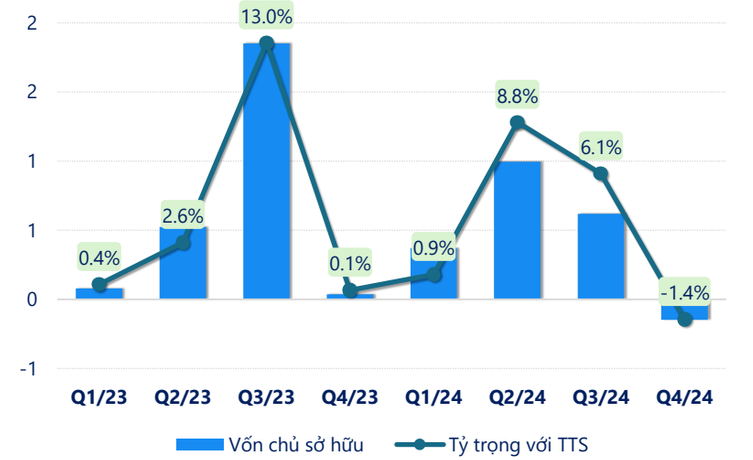
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

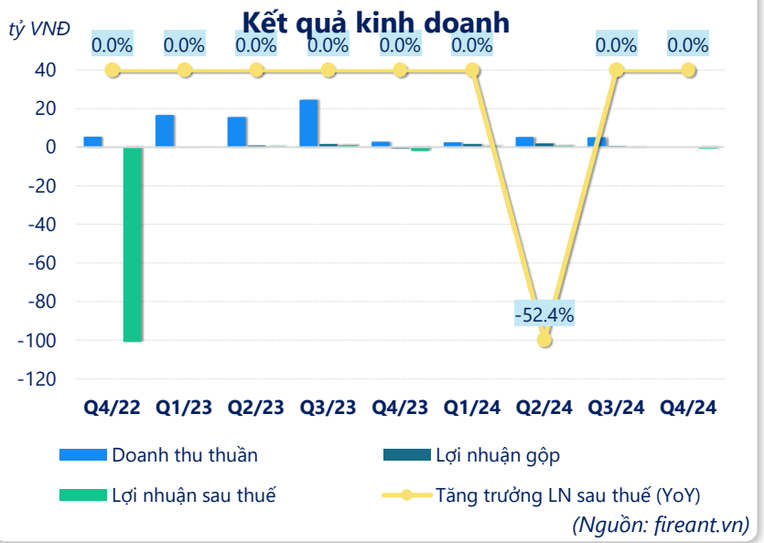
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

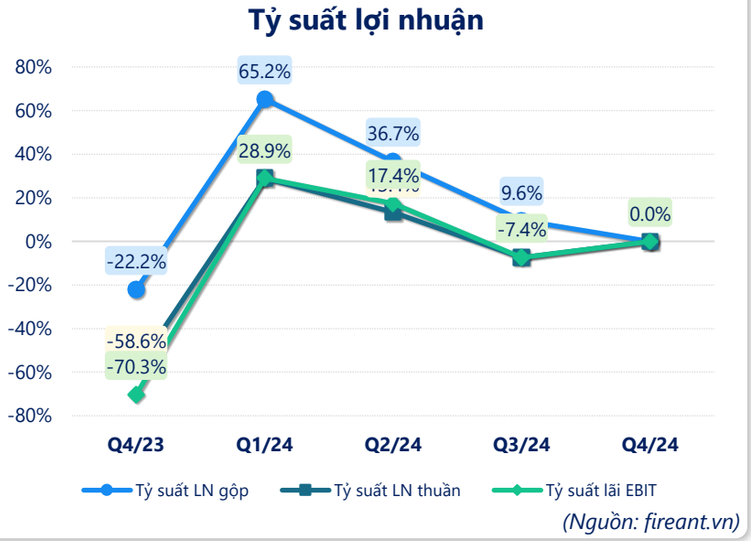
CTCP An Trường An (UPCOM: ATG)

Kết quả kinh doanh



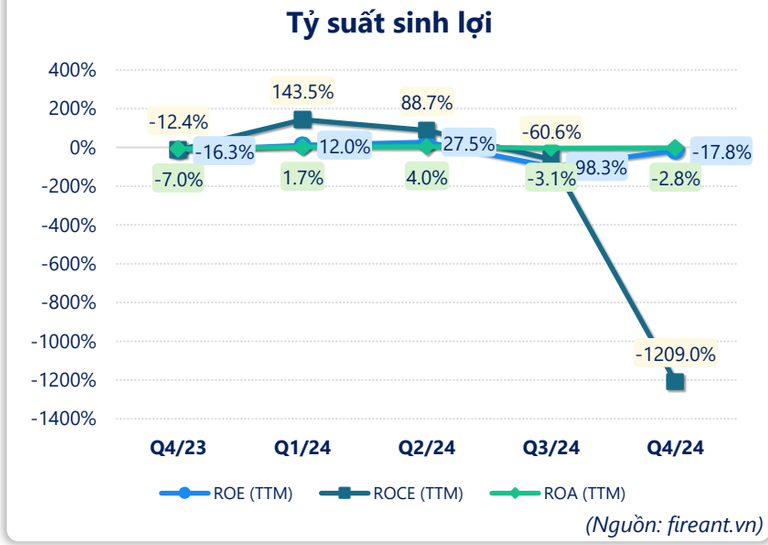
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



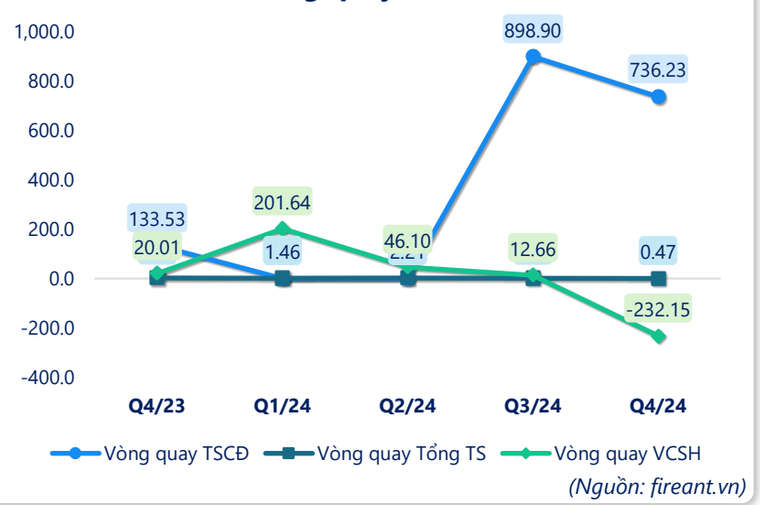
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



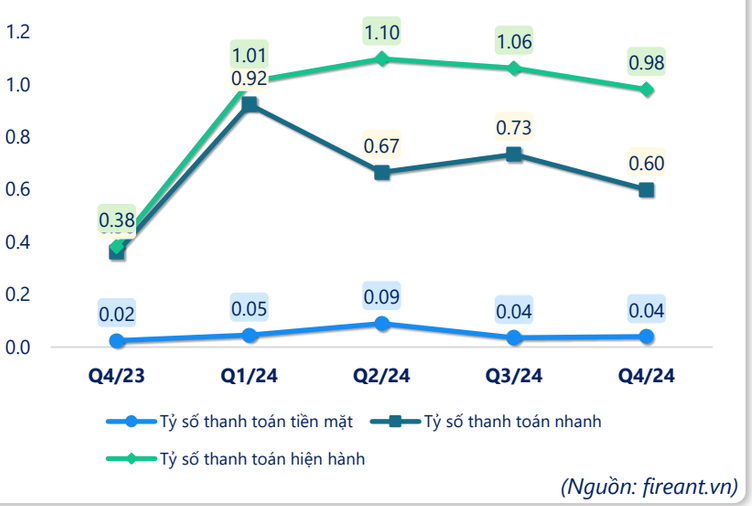
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



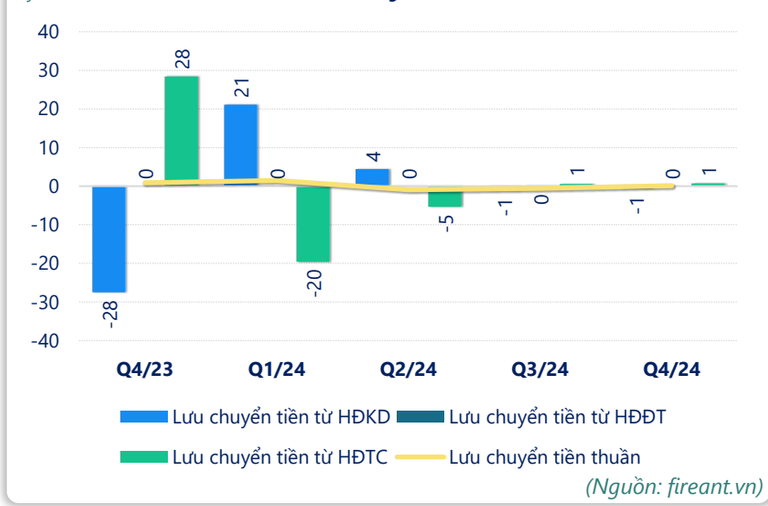
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP An Trường An (UPCOM: ATG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**10.2**	**44.3**	**-77.0%**
Tài sản ngắn hạn	10.2	44.3	-77.1%
Tiền và tương đương tiền	0.42	0.39	5.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	5.09	42.2	-88.0%
Hàng tồn kho	3.95	1.52	160%
Tài sản ngắn hạn khác	0.70	0.11	543%
Tài sản dài hạn	**0.05**	**0.03**	**63.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.03	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.02**	**0.03**	**-42.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10.4	44.5	-76.7%
Nợ ngắn hạn	**10.4**	**44.5**	**-76.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.78	28.4	-83.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.25	11.5	-89.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-0.15**	**-0.16**	**6.2%**
Vốn chủ sở hữu	**-0.15**	**-0.16**	**6.2%**
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	2.83	2.46	5.24	5.12	0
Giá vốn hàng bán	3.46	0.85	3.32	4.63	0
Lợi nhuận gộp	-0.63	1.60	1.92	0.49	0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0.23	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0.23	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-0.01	0	0.04	0	0
Chi phí QLDN	1.04	0.89	0.95	0.87	0.70
LN thuần từ HĐKD	-1.66	0.71	0.70	-0.38	-0.70
Lợi nhuận khác	-0.33	0	-0.02	0	-0.06
LN trước thuế	-1.99	0.71	0.68	-0.38	-0.77
Lợi nhuận sau thuế	-1.99	0.53	0.63	-0.38	-0.77
LNST của CĐ cty mẹ	-1.99	0.53	0.63	-0.38	-0.77

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-27.5	21.1	4.41	-1.13	-0.68
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0.00	-0.04	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	28.4	-19.6	-5.35	0.59	0.75
Tiền đầu kỳ	0.25	0.39	1.86	0.92	0.34
Lưu chuyển tiền thuần	**0.86**	**1.47**	**-0.94**	**-0.58**	**0.07**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.11	1.86	0.92	0.34	0.42

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic